

Số: 137/2020/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 01 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn L (B), sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Trần Văn L (B).

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Trần Văn L (B). Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 01/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 05/01/2002 và Trần Thị Kim H, sinh ngày 09/10/2003.

Anh Trần Văn L (B) có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 09/10/2003 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi (Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 22/5/2020 của Tòa án, cháu H có nguyện vọng muốn sống cùng anh L). Ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thúy D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do hòa giải thành nên giảm 50%: là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Thúy D tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009193 ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, chị D còn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã B, huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rễn

